

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TĐ3+BK20	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
2		TD2	7:25	19	0		19	0	
3		PVD2+P2	9:25	7+15	0+0		3+19	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: TD3 - BK20	CREW: QViệt - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARAVKA IVAN	TD3	55-56	2	15		117	KHOAN	Russian
2	SOROKA ANATOLY	TD3	35	1	7	22	110	KHOAN	Russian
3	SMAKOV A.A	TD3	32	1	7		81	KHOAN	Russian
4	NGUYEN VAN HUNG	TD3	49	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM NGOC DUNG	TD3	44-45	2	12		76	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG QUOC THAI*TT	TD3	50	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
7	QUACH VAN THAO	TD3	51-52	2	15		73	YTE	Vietnamese
8	NGO DUY THANH	TD3	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐANG HUU TAI-PVD	TD3	46	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN QUÂN*CAM-PVDT	TD3	39	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN HUONG	TD3	37	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG NAM	TD3	57	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	VU NGOC THANH	TD3	54	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN TRONG BANG	TD3	38	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐAO LE XUAN SON	TD3	42-43	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG THANH TU	TD3					84	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THANH DUNG	TD3	48	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN HOA	TD3	40	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN PHU	TD3	36	1	6		75	SEAMAP	Vietnamese
20	PHAM HAI ĐANG	TD3	33-34	2	20		65	SEAMAP	Vietnamese
21	ĐO THANH HUNG	TD3	47	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
22	PODKATYLIN	TD3	62	1	10		90	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	26	172	1.707	22	18		
2	BK20	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	172	1.707	22	22		
WEIGHT KG				172	1.707	22			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: TD2	CREW: Hoài - TRƯỞNG	ETA: 10:45
XANH-1			

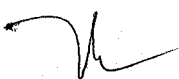
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HẢI SƠN	TD2	40	1	5	40	80	KHOAN	Vietnamese
2	FOK S.I	TD2	49	1	8		132	DIEUHAN	Russian
3	CAO ĐỨC VIÊN	TD2	32	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	42	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	44	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	46	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	41	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	43	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	34	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ VĂN HÙNG	TD2	35	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ CHI CÔNG	TD2	33	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TỰ	TD2	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC VIỆT*MC-PVD	TD2	37	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THẾ LONG*CAM-PVDT	TD2	39	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM THANH LINH	TD2	47	1	4		51	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	48	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH QUANG CHIẾN	TD2	45	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
18	DUƠNG HẢI BĂNG	TD2	38	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2					63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

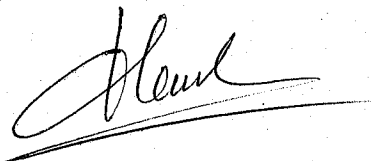
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	105	1.351	40	19		
	TOTAL	19	18	105	1.351	40	19		
	WEIGHT KG			105	1.351	40			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

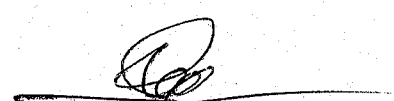
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 3	TO: PVD2 - P2	CREW: QViệt - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRPUNHIM	PVD2	63	1	17		96	KHOAN	Russian
2	NGUYEN HUNG DUNG	PVD2	69	1	5		75	DVL	Vietnamese
3	VUONG KIEN QUOC	PVD2	67	1	6		78	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THU	PVD2	68	1	15		65	DVL	Vietnamese
5	TRAN VAN THUAT	PVD2	66	1	15		72	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN DUC LONG	PVD2	64	1	13		61	DVL	Vietnamese
7	MAI VAN DUONG	PVD2	65	1	10		80	DVL	Vietnamese
8	IVANOV MAKSYM	P2	41	1	17		100	XAYLAP	Russian
9	TRAN VAN SANG	P2	38	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VAN THIET	P2	32	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN DANH LUAT	P2	39	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
12	CU VIET LONG	P2	33	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRUONG VAN DUC	P2	31	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN HANH	P2	34-35	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
15	DUONG MINH HOANG	P2	43	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO VAN TUAN	P2	44-45	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DUC CHUNG	P2	29-30	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
18	LE ANH TUAN	P2	36-37	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN BA QUY	P2	40	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN NAM	P2	28	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VAN CHUNG	P2	42	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
22	DINH QUANG SON	P2	26-27	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	7	81	527	0	3		
2	P2	15	20	215	1.025	0	19		
TOTAL		22	27	296	1.552	0	22		
WEIGHT KG				296	1.552	0			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN